

# FRIEDRICH MAX MULLER VÀ ĐÓNG GÓP CỦA ÔNG TRONG *DẪN LUẬN TÔN GIÁO HỌC*

TRẦN ANH ĐÀO<sup>(\*)</sup>

**D**ẫn luận tôn giáo học<sup>(1)</sup> là tác phẩm lí luận tôn giáo học kinh điển của Friedrich Max Muller, người có công đề xướng nên một bộ môn nghiên cứu khoa học về tôn giáo cách đây hơn một thế kỉ. Đặc biệt, chính trong tác phẩm này, thuật ngữ “Tôn giáo học” (Science of Religion) lần đầu tiên được sử dụng, được giới học thuật quốc tế công nhận là tác phẩm có tính nền tảng của ngành Tôn giáo học Phương Tây. Cuốn sách này đã được dịch ra nhiều thứ tiếng khác nhau trên thế giới và là tài liệu tham khảo cần thiết trong việc giảng dạy và học tập về bộ môn Tôn giáo học trong nhiều trường đại học và cơ quan nghiên cứu. Nhiều học giả trứ danh của thế kỉ XX trong các tác phẩm lí luận tôn giáo học của mình luôn dành cho Muller sự trân trọng và đánh giá cao. Đáng tiếc là cho đến nay vẫn chưa có bản dịch tiếng Việt xuất bản chính thức ở Việt Nam, trong khi bộ môn Tôn giáo học đang rất phát triển ở nước ta từ gần 20 năm trở lại đây. Thậm chí, rất hiếm các xuất bản phẩm về tôn giáo học của học giả trong nước nhắc đến ý nghĩa của việc nghiên cứu khoa học về tôn giáo mà Muller đề xuất. Dẫu hơi muộn nhưng chúng tôi muốn thông qua bài viết này giới thiệu sơ lược về những đóng góp chủ yếu của tác phẩm quan

trọng này, qua đó để thấy được ý nghĩa chủ trương của Friedrich Max Muller trong nỗ lực định hướng cho phương pháp nghiên cứu một cách khoa học về tôn giáo.

## 1. Vài nét về Friedrich Max Muller

Max Muller sinh năm 1823 tại Dessau (Đức), từ nhỏ sớm lâm vào cảnh mồ côi cha và gia cảnh khó khăn. Từ năm 17 tuổi vào Đại học Leipzig theo học các ngành văn học cổ điển, triết học và ngôn ngữ học so sánh, vào năm 1843 lấy bằng tiến sĩ ngữ văn ở tuổi 20, sau đó làm việc tại Đại học Berlin, nghiên cứu và dịch thuật các kinh điển tôn giáo Ấn Độ. Năm 1846, rời nước Pháp sau một năm du học ở đó, ông đến London tổ chức biên dịch bộ kinh “Rigveda” và sau đó xuất bản bộ sách 4 quyển này ở Anh. “Bộ sách này không chỉ mở ra cho người Phương Tây một cánh cửa quan trọng để tìm hiểu về văn hóa Ấn Độ, hơn thế nữa đã đánh dấu việc Muller bước chân vào lĩnh vực nghiên cứu so sánh ngôn ngữ, thần thoại

\*. ThS., Viện Nghiên cứu Tôn giáo.

1. Friedrich Max Muller. *Dẫn luận tôn giáo học (Introduction to the Science of Religion - four lectures)*, bản dịch Trung văn của Trần Quán Thắng, Lí Bối Vinh, (宗教学导论). Nxb Nhân dân Thượng Hải, 1989. Ngoài ra, có thể tham khảo bản điện tử bằng tiếng Anh xuất bản bởi Elibron Classics thông qua nguồn <http://books.google.com.vn/>

và tôn giáo Phương Đông và Phương Tây"<sup>(2)</sup>. Từ năm 1848 đến năm 1858, ông sống ở Anh và giảng dạy môn ngôn ngữ học ở Đại học Oxford. Ông trở thành giáo sư ngôn ngữ Âu Châu hiện đại năm 1854, thành viên của ban giám đốc Trường All Soul College năm 1858, và Quản thủ thư viện Bodleian năm 1856. Trước đó ông được trao tặng bằng M.A danh dự và là một thành viên của Giáo hội Christ.

Vào năm 1860, nơi ông dạy học bị khuyết chức vị giáo sư tiếng Sanskrit, nhưng trong một trường đại học có khuynh hướng tôn giáo, sự phân biệt tất nhiên sẽ không ủng hộ ông - người đã giới thiệu triết thuyết của Kant cho trường, ngăn cản việc đề cử ông vào chức vụ này. Nhưng tám năm sau, chức giáo sư ngữ văn được đặt ra, và theo quy chế, Max Muller trở thành giáo sư đầu tiên của môn này. Năm 1869 ông trở thành viện sĩ chính thức của Viện khoa học Pháp. Trên thực tế, nghiên cứu ngôn ngữ và phiên dịch mới là nghề nghiệp trọn đời của Muller. Ông đã vận dụng phương pháp so sánh ngôn ngữ vào nghiên cứu so sánh tôn giáo, đặc biệt ông rất am tường về ngôn ngữ và tôn giáo Phương Đông đặc biệt là Ấn Độ và Trung Hoa. Người ta luôn nhớ tới ông với công trình dài hơi *Các sách thánh Phương Đông*, ghi danh và ca ngợi ông ở các lĩnh vực ngôn ngữ học, thần thoại học, Đông Phương học và tôn giáo học (so sánh). Các tác phẩm do ông dịch và sáng tác có đến con số hàng trăm, trong đó liên quan đến tôn giáo học và thần thoại học có: *Thần thoại học so sánh* (1856), *Kitô và các trường lão khác* (1858), *Nhất thần giáo* (1860), *Các kinh điển của Khổng Tử* (1861), *Phật giáo* (1862), *Lời giảng trong Veda* (1865), *Dẫn luận tôn giáo học* (1873), *Bàn về việc truyền giáo* (1873), *Nguồn gốc*

*và sự phát triển của tôn giáo* (1878), *Bàn về ngôn ngữ, thần thoại và tôn giáo* (1881), *Văn câu nguyện thời Cổ đại* (1884), *Tôn giáo tự nhiên* (1889), *Tôn giáo vật chất* (1891), *Tôn giáo nhân loại* (1892), *Tôn giáo tâm lí* (1893), *Ngụ ngôn Ấn Độ và Phật giáo Mật tông* (1893), *Tôn giáo của Trung Quốc* (1900), v.v...<sup>(3)</sup>

*Dẫn luận tôn giáo học* là tập hợp của bốn bài thuyết trình về tôn giáo học của Muller tại Viện Nghiên cứu Khoa học London từ tháng 2 đến tháng 3 năm 1870. Bốn bài thuyết trình đầu tiên được đăng lần lượt trên tạp chí Leipzig (Đức) số tháng 2,3,4 và 5, sau đó được tác giả biên tập lại, bổ sung phần chú giải và dẫn chứng, và xuất bản lần đầu tiên tại Anh với tựa đề *Introduction to the Science of Religion - four lectures* (Delivered at the Royal institution in february and may, 1870, by F. Max Muller, K.M.). Kết cấu cuốn sách cũng hết sức đơn giản, gồm hai phần, phần đầu bao gồm bốn bài giảng về tôn giáo học (tác giả không đặt chủ đề cho các bài giảng mà chỉ xếp theo thứ tự): Phần hai là phần chú giải và dẫn chứng, được Muller bổ sung thêm khi biên tập và xuất bản bộ sách này<sup>(4)</sup>. Năm 1873 đánh dấu sự lưu hành của cuốn sách ra xã hội.

2. Ôn Diệc Bình (TQ) chủ biên. *Tóm tắt các tác phẩm nổi tiếng về tôn giáo học Phương Tây*. Nxb Nhân dân Giang Tây, 2002, tr. 23.

3. Tham khảo E.J.Sharpe. *Lịch sử tôn giáo học so sánh* (Comparative Religion :A History). Bản dịch Trung văn của Lê Đại Cát, Hà Quang Hộ, ... (比较宗教学史). Nxb Nhân dân Thượng Hải, 1988, tr. 44-48.

4. Phần chú giải và dẫn chứng bao gồm: 1. The Emperor Akbar (Đại đế Akbar); 2. The languages of Africa (Ngôn ngữ Châu Phi); 3. Vedic Literature (Văn học Vedic); 4. Polynesian Mythology (Thần thoại Polynesian); 5. The Chinese name for God (Danh xưng về Thượng Đế của người Trung Quốc); 6. Mythology of the Hottentots (Thần thoại Hottentots); 7. The Sacred Books of the East (Các sách thánh Phương Đông).

Nhìn vào phần giới thiệu thư mục ở phần trên, chúng ta thấy rằng *Dẫn luận tôn giáo học* không phải là tác phẩm lí luận về nghiên cứu tôn giáo duy nhất của Max Muller, một số tác phẩm sau đó của ông như *Nguồn gốc và sự phát triển của tôn giáo* (1878), *Tôn giáo tự nhiên* (1889), v.v... bàn nhiều hơn về các vấn đề cốt lõi của tôn giáo học, ví dụ như nguồn gốc tôn giáo, định nghĩa tôn giáo, v.v... Bởi vậy, trong phần lời nói đầu của *Dẫn luận tôn giáo học*, Muller kiến nghị độc giả nên tham khảo các tác phẩm khác của ông về tôn giáo học, thần thoại, truyền thống và phong tục, để hiểu toàn diện hơn về các luận điểm của ông. Người ta đánh giá cao nhất ở *Dẫn luận tôn giáo học* chính là việc lần đầu tiên khái niệm "Tôn giáo học" (Science of Religion) được đề xuất và là tác phẩm nền tảng cho ngành tôn giáo học so sánh trong giới học thuật Anh ngữ. Muller dựa vào ngôn ngữ học so sánh để làm điểm đột phá khẩu cho sự nghiệp nghiên cứu tôn giáo của mình. Bởi vậy, phương pháp nghiên cứu tôn giáo học mà ông đề xuất cũng chính là tôn giáo học so sánh. Eric J. Sharpe trong tác phẩm *Lịch sử tôn giáo học so sánh* đã coi Muller là người đặt nền móng cho bộ môn này: Trước Muller, lĩnh vực nghiên cứu khoa học về tôn giáo tuy đã phổ biến, nhưng chưa có quy củ và hết sức tản mạn, sau ông, người ta nhận thấy lĩnh vực này trở thành một chỉnh thể, tuân thủ theo một phương pháp nghiên cứu, nói một cách ngắn gọn là được xử lí một cách khoa học.

Đánh giá về thành quả nghiên cứu lí luận tôn giáo của Muller, có ý kiến cho rằng vẫn còn nhiều hạn chế, có thể là do bối cảnh học thuật và ảnh hưởng của lĩnh vực nghiên cứu ngôn ngữ học của ông.

Chúng ta đều biết rằng, sự ra đời của ngành khoa học về tôn giáo là một quá trình, trước Muller đã có Descartes và Kant bàn về vấn đề bản chất của tôn giáo, bởi vậy có ý kiến cho rằng nên coi hai nhân vật này là người đặt nền móng cho tôn giáo học. Muller chỉ là người đề xuất khái niệm "tôn giáo học", còn trong vấn đề nghiên cứu cụ thể thì không những không để lại di sản lí luận gì cho đời sau, mà thậm chí còn đưa ra rất nhiều quan điểm ấu trĩ, ví dụ đem "nguồn gốc tôn giáo" hay "danh xưng của thần" quy về nguyên nhân "sai lầm của ngôn ngữ"<sup>(5)</sup>. Để nắm bắt rõ thêm về vấn đề này, có thể tham khảo thêm cuốn sách Muller viết vào năm 1878: *Nguồn gốc và sự phát triển của tôn giáo (Lectures on the Origin and Growth of Religion as illustrated by the religions of India)*. Bối cảnh học thuật đương thời ở vào giai đoạn mà Joachim Wach (1898-1955) gọi là thời kì thực chứng chủ nghĩa, bắt đầu nghiên cứu tôn giáo từ các góc độ khác nhau, đặc biệt là tiến hóa luận và lịch sử khởi nguyên của tôn giáo<sup>(6)</sup>, bởi vậy việc xuất hiện khiếm khuyết do những hạn chế mang tính chủ quan cũng như thời đại mang đến là không tránh khỏi. Chúng ta có thể tìm hiểu và phân tích sở trường sở

5. Xin tham khảo thêm: Max Muller. *Nguồn gốc và sự phát triển của tôn giáo (Lectures on the Origin and Growth of Religion as illustrated by the religions of India[M])*. Bản dịch Trung văn của Kim Trạch (宗教的起源与发展). Nxb Nhân dân Thượng Hải. 1989. Trác Tân Bình. *Lí giải tôn giáo*. Nxb Văn hiến Khoa học xã hội, Bắc Kinh. 1999. Trương Chí Cường. *Nghiên cứu Triết học tôn giáo - Quan niệm đương đại, vấn đề mâu thuẫn và phê phán phương pháp luận*. Đại học Nhân dân Trung Quốc. 2003.

6. Joachim Wach. *The Comparative Study of Religions* (1928), trích dẫn từ Tôn Diệc Bình (TQ) chủ biên, *Tóm tắt các tác phẩm nổi tiếng Về tôn giáo học Phương Tây, Tôn giáo học so sánh*. Nxb Nhân dân Giang Tây. 2002. tr. 510-529.

đoạn của Muller về lí luận tôn giáo học vào những dịp khác, điều quan trọng và cần làm hơn cả là hãy đọc tác phẩm của ông ấy như bước “nhập môn” vào con đường nghiên cứu khoa học về tôn giáo.

## 2. Đóng góp Muller trong *Dẫn luận tôn giáo học*

- Đề xuất khái niệm “tôn giáo học”

Trước khi đi vào khái niệm nguyên bản (Science of Religion), chúng ta phải lí giải một cách khách quan rằng, “tôn giáo học” mà chúng ta (cũng như người Trung Quốc, người Nhật hay Hàn Quốc) đang sử dụng để chuyển ngữ khái niệm Science of Religion (tiếng Anh) là dưới cái vỏ ngôn ngữ Hán, nó có nội hàm rộng hơn so với nguyên nghĩa “Khoa học về tôn giáo” (Science of Religion) mà Muller dịch từ tiếng Đức *Religionswissenschaft*. Trong ngữ cảnh Á Đông, “tôn giáo học” bao hàm tất cả các góc độ nghiên cứu về tôn giáo trong đó có cả triết học, thần học và khoa học xã hội và nhân văn, nên ở mức độ nào đó nó đã làm phai mờ ý nghĩa gốc của nó. tức là hàm nghĩa “khoa học” mà Muller và thời đại của ông quan tâm và “tranh đấu” vì nó. Bởi vậy, chúng ta đồng thời cần lưu ý hàm nghĩa “tôn giáo học” trong ngữ cảnh Á Đông cũng như trong bối cảnh học thuật thời đại của Muller. Những đề xuất của ông tạo ra một ngành khoa học nhân văn độc lập với hai lĩnh vực thịnh hành đương thời khác là nghiên cứu thần học và nghiên cứu triết học. Do chủ trương của ông trong phương pháp nghiên cứu là tiến hành so sánh các tôn giáo khác nhau hoặc nghiên cứu lịch sử các tôn giáo nên tôn giáo học còn được gọi là tôn giáo học so sánh (Comparative Religion), hoặc sử học tôn giáo (History of

Religion). Với tư cách là một môn khoa học “mới”, theo cách gọi quốc tế hóa một môn khoa học (thêm đuôi - ology vào sau tên ngành), bởi vậy người ta có quyền suy ngẫm rằng tôn giáo học lẽ ra có thể gọi là religiology, tuy nhiên cho đến nay chúng ta chưa thấy thuật ngữ đó phổ biến. mà chủ yếu là các thuật ngữ như: “the scientific study of religion”, “the academic study of religion”, “the study of religion, religious studies”<sup>(7)</sup>. Trong đó Religious studies (Nghiên cứu tôn giáo) được sử dụng phổ biến nhất hiện nay như chúng ta đã thấy, trong tiến trình hoàn thiện của chuyên ngành nghiên cứu theo xu hướng mở rộng này, khái niệm này tương thông với “tôn giáo học”. Tuy nhiên, khách quan mà nói, tính chất chủ yếu nhất của ngành tôn giáo học từ thời kì Muller cho đến nay vẫn chưa thật sự cố định và xuyên suốt. Sau Muller, vấn đề nội hàm và hệ thống cấu thành tôn giáo học cũng gây ra không ít tranh luận, chủ yếu là tập trung vào mối quan hệ giữa tôn giáo học với thần học và triết học. Ví dụ, Wilhelm Schmidt chủ trương tôn giáo học bao hàm cả thần học và triết học, còn học giả Nhật Bản Kishimoto Hideo thì chủ trương tách riêng ba lĩnh vực đó, v.v...

Trong bối cảnh thời đại và tình hình học thuật về nghiên cứu tôn giáo ở cuối thế kỉ XIX, Muller tạm chưa bàn đến mối quan hệ giữa “khoa học” và “tôn giáo”, mà trước hết ông muốn nhấn mạnh “*thái độ*” (hay lập trường) và “*phương pháp*” khoa học trong nghiên cứu tôn giáo. Vậy hàm nghĩa “khoa học” và bối cảnh xuất hiện của nó là như thế nào? Muller chỉ ra rằng: *mọi người cần vượt lên lập trường*

7. Trương Chí Cương. *Hướng dẫn nghiên cứu tôn giáo*, Nxb Đại học Bắc Kinh, 2005, tr. 228.

của tín ngưỡng (tín niệm), tiến hành nghiên cứu khách quan, không thiên vị về các hiện tượng tôn giáo. Tôn chỉ đó trước hết nhằm vào chủ nghĩa hộ giáo và lập trường tín ngưỡng, là động lực để xây dựng một chuyên ngành nghiên cứu tôn giáo độc lập với thần học và triết học hay với một chủ nghĩa nào khác. Nó có mối liên hệ trực tiếp với bối cảnh lịch sử tư tưởng đương thời. Thời đại của Muller, thuyết Châu Âu là trung tâm và đạo Kitô chiếm vị thế thượng phong trong trào lưu tư tưởng cũng như trên chính trường, việc nghiên cứu tôn giáo chủ yếu từ góc độ thần học và mang nặng tư tưởng hộ giáo, tạo nên sự ngộ nhận của Phương Tây đối với tôn giáo của mình và với văn hóa ngoài Phương Tây. Bởi vậy, mục đích của ông trước hết là chú ý nghiên cứu tất cả các tôn giáo, đặc biệt là các tôn giáo Phương Đông - vốn được coi là xa lạ trong ngữ cảnh Phương Tây. Phương pháp và thái độ nghiên cứu cần thoát ra khỏi cái khuôn khổ cố hữu của thần học Kitô giáo. Để làm được điều đó hoàn toàn không đơn giản, Muller cũng lưỡng lự trước sự đối mặt với “những kẻ phản đối ngoan cố”: “Họ sẽ phủ nhận quan điểm của chúng ta - nghiên cứu tôn giáo bằng thái độ khoa học... Tôi thậm chí còn dự kiến được rằng giữa quan điểm của mình và những tín niệm truyền thống và những thiên kiến đang thịnh hành sẽ nổ ra xung đột kịch liệt; Đồng thời, tôi cảm thấy trong lòng rất vững tin, bởi vì tôi không hoài nghi những kẻ phản đối kia là thành thực chân chính, nhiệt thành yêu chân lý, nhưng họ sẽ kiên nhẫn lắng nghe tôi trình bày các lí do một cách công bằng”<sup>(8)</sup>.

Việc trình bày các lí do nhằm “biện hộ” cho khoa học về tôn giáo được Muller thể

hiện trong cả bốn bài thuyết giảng, với một thái độ và ngôn ngữ hết sức ôn hòa - có lẽ là do ông trưởng thành trong môi trường duy tâm chủ nghĩa mang màu sắc lãng mạn của nước Đức<sup>(9)</sup>. Cho dù như ông nói ở trên, những người lắng nghe ông hoàn toàn không phải là những người bình thường, giữa họ với nhau và với khoa học đang bị ngăn cách bởi một bức tường kiên cố:

“Thời đại của chúng ta, vừa không mạo phạm phái Hữu, vừa không mạo phạm phái Tả mà bàn luận được tôn giáo thì gần như là điều không thể. Bởi vì, đối với một số người, tôn giáo quá thiêng liêng, không thể nhìn nhận bằng khoa học; đối với một số người khác, tôn giáo cũng giống như thuật luyện kim và chiêm tinh Trung thế kỉ, chẳng qua là thứ được tạo nên bởi mê lầm và ảo tưởng, không đáng được khoa học chú ý”<sup>(10)</sup>.

Muller coi tôn giáo là một chủ đề thiêng, cho dù ở hình thức nào cũng nên được mọi người tôn trọng, quan tâm, nhưng điều quan trọng là không được thỏa hiệp. Với tinh thần phản đối tính độc tôn của Kitô giáo, khái niệm “tôn giáo” của ông đương nhiên không để chỉ “tôn giáo Kitô”, mà là “hết thảy các tôn giáo đang tồn tại”. Cần phải coi tất cả các tôn giáo đều bình đẳng như nhau, tiến hành nghiên cứu so sánh một cách trung lập, đó là cơ sở của tôn giáo học. Ông nói: “Chúng ta là những người nghiên cứu tôn giáo học, chúng ta hoạt động trong cảnh giới tương đối cao, tương đối tĩnh lặng. Chúng ta nghiên cứu những sai lầm (tức

8. Friedrich Max Muller. *Dẫn luận tôn giáo học*, tr. 5.

9. E. J. Sharpe. *Comparative Religion: A History*, 1975, pg. 56. Bản dịch Trung văn của Lê Đại Cát, Hà Quang Độ... Nxb Nhân dân Thượng Hải, 1998.

10. Friedrich Max Muller. *Dẫn luận tôn giáo học*, tr. 5.

là những lập trường đối lập, xung đột nhau về tôn giáo, những mê tín, v.v...), giống như bác sĩ nghiên cứu về bệnh tật. Họ tìm ra căn nguyên cơn bệnh để tìm ra phương pháp trị bệnh... Nghiên cứu tôn giáo là cần tìm hiểu tôn giáo là gì, nó có cơ sở nào trong linh hồn của con người, nó tuân thủ theo quy luật nào trong tiến trình lịch sử lâu dài của nó. Để đi đến mục đích đó, đối với người nghiên cứu tôn giáo, nghiên cứu những sai lầm có khi còn hữu hiệu hơn là nghiên cứu về tôn giáo mà anh ta cho là tôn giáo chân chính; Bất kể là quan niệm chiêm tinh La Mã Cổ đại hay là những người thầy cúng La Mã đội khăn che mặt giao tiếp với thần linh, đều là những chủ đề nghiên cứu thú vị<sup>(11)</sup>. Đánh giá cao chủ trương “dững cảm” của Muller, nhà nhân loại học trứ danh Edward Evan Evans Pritchard vào năm 1965 đã viết: “Các nhà thần học, các nhà sử học và các nhà nghiên cứu tôn giáo khác thường bỏ qua các tôn giáo nguyên thủy vì cho rằng giá trị của nó quá nhỏ bé, nhớ lại hàng trăm năm trước Muller đã đấu tranh với thế lực ngoan cố để khẳng định tính quan trọng của tôn giáo và ngôn ngữ của Trung Quốc và Ấn Độ trong việc lí giải các tôn giáo và ngôn ngữ thông thường, tôi lấy làm nể phục<sup>(12)</sup>”.

Như vậy, mục đích của chủ trương học thuật mang tính khoa học của Muller cũng mang tính thời đại: nhằm vào thái độ bài ngoại vốn được tạo nên bởi phép nhị phân tôn giáo mặc khải và tôn giáo tự nhiên đối với những tôn giáo ngoài Kitô giáo. Ở Muller, “khoa học” đồng nghĩa với phương pháp nghiên cứu có đặc trưng công bằng và cởi mở. Theo ông, thông thường thì không thể đặt ra một giả thiết

trung lập giữa hai quan niệm tôn giáo xung đột nhau. Chúng ta có nghĩa vụ phản kháng lại những hành vi phỉ báng tôn giáo, cũng cần phản đối việc mê tín và giả tạo đang gặm nhấm tín ngưỡng và đạo đức. Nhưng, với một nhà khoa học tôn giáo mà nói, “chúng ta cần tiến vào một phạm vi cao thượng hơn, ôn hòa hơn”.

Có thể nói một cách trịnh trọng rằng, đa số những “lời giảng” tâm huyết trong sách này ông dành cho “chúng ta” - đại từ mà Muller thường xuyên sử dụng trong tác phẩm của ông. Theo nhà tôn giáo học Trung Quốc Trương Chí Cương, một trong hai dụng ý của từ *chúng ta* là chỉ “bao gồm tất cả những người có nhận thức về tôn giáo, bất kể là chuyên gia hay học giả bình thường, là người tin theo hoặc không tin theo tôn giáo, các ý kiến khẳng định (của chúng ta) cũng bao hàm cả thái độ phê phán<sup>(13)</sup>”.

*- Thuyết minh sự khác nhau về tính chất của bộ môn nghiên cứu khoa học về tôn giáo với thần học tôn giáo.*

Trước đó, cho dù Châu Âu rộ lên trào lưu tư tưởng vô thần luận và Khai sáng, thì những nghiên cứu tôn giáo vẫn thuộc về phạm trù triết học. Theo truyền thống, nghiên cứu tôn giáo cụ thể (Kitô giáo) thuộc lãnh địa của giới thần học Kitô giáo mà không có được địa vị độc lập. Bởi vậy, Muller chủ trương nghiên cứu khoa học về tôn giáo thoát li khỏi ảnh hưởng của

11. Friedrich Max Muller. *Dẫn luận tôn giáo học*, tr.7.

12. Edward Evan Evans Pritchard. *Li luận tôn giáo nguyên thủy* (1965), bản dịch Trung văn của Tôn Thượng Dương, (原始宗教理论) Thương vụ Ấn thư quán, 2001. *Lời dẫn*, tr.2.

13. Trương Chí Cương. *Nghiên cứu triết học tôn giáo - Quan niệm đương đại, văn đề mẫu chốt và phê phán phương pháp luận*. Đại học Nhân dân Trung Quốc, 2003, tr.11.

triết học và thần học. Ông xuất thân là nhà ngôn ngữ học, nên bằng con đường so sánh ngôn ngữ, tiến hành phân loại và so sánh các tôn giáo, tìm ra nguồn gốc và bản chất của tôn giáo. Ông phản đối quan niệm của thần học cho tôn giáo là lĩnh vực thiêng, không thể tiếp cận xử lý bằng khoa học, cũng như phản đối việc coi Kitô giáo là tôn giáo cao nhất. Chỉ khi thoát ra khỏi sự câu thúc của tín ngưỡng chủ nghĩa (đức tin tôn giáo), tôn giáo học mới đích thực đi vào con đường phát triển độc lập. Chỉ có loại bỏ bè phái chủ nghĩa, thì nhân quan của người nghiên cứu tôn giáo mới không chỉ dừng lại ở Kitô giáo, mà mở rộng ra đối với hết thảy các tôn giáo khác trên thế giới. Muller nhấn mạnh: càng tìm hiểu nhiều, lí giải nhiều về chân lí còn tàng ẩn trong các tôn giáo bị miệt thị trên toàn thế giới, thì Kitô giáo chân chính càng trở nên vĩ đại. Nhưng, trừ khi áp dụng một tiêu chuẩn đánh giá công minh chính đại đối với tất cả tôn giáo, nếu không thì ai cũng không thể đưa ra phán đoán thành thực, bất cứ tôn giáo nào cũng không nên yêu cầu được đãi ngộ đặc biệt, Kitô giáo càng không nên<sup>(14)</sup>.

Để phân biệt ranh giới giữa thần học và tôn giáo học, Muller khẳng định: “tôn giáo học không phải là thần học, mà là “nhân học”<sup>(15)</sup>. Với ông, khái niệm “tôn giáo” mang hai hàm nghĩa, thứ nhất: chỉ các tôn giáo truyền thống, như Do Thái giáo, Kitô giáo, Ấn Độ giáo, Phật giáo, v.v...; thứ hai: là tín ngưỡng thiên bẩm của con người:

“Giống như cái trời phú của lời nói không liên quan đến bất cứ thứ ngôn ngữ nào đã từng hình thành trong lịch sử, con người còn có một loại tín ngưỡng thiên bẩm không liên quan đến bất cứ tôn giáo

nào hình thành trong lịch sử. Nếu nói cái phân biệt con người với động vật chính là tôn giáo, thì tôn giáo mà chúng ta nói đến không phải là tôn giáo của tín đồ Kitô, hoặc tôn giáo của người Do Thái, mà là một năng lực hoặc khuynh hướng tâm lí, nó không quan hệ gì với cảm giác và lí tính, nhưng khiến người ta cảm thấy có sự tồn tại của “cái vô hạn (the Infinte)”, tức là “thần” mang các danh xưng và hình tượng khác nhau. Không có loại năng lực của tín ngưỡng đó, thì không có tôn giáo, ngay cả sự sùng bái ngẫu tượng và sùng bái động vật cấp thấp cũng không thể có. Chỉ cần chúng ta kiên nhẫn lắng nghe, thì trong bất cứ tôn giáo nào cũng đều có thể nghe được tiếng ngâm nga của linh hồn, cũng chính là muốn nhận thức mà không thể nhận thức được, muốn nói ra mà không thể nói ra được, đó chính là một khát vọng đối với cái vô hạn, một tình yêu đối với Thượng Đế”<sup>(16)</sup>.

Tôn giáo, như Muller nói ở trên, có hai hàm nghĩa, bởi vậy ông cho rằng tôn giáo học có hai bộ phận: thứ nhất là “thần học so sánh” (Comparative Theology), giải thích về các hình thái lịch sử của tôn giáo; thứ hai là “thần học lí luận” (Theoretic Theology), giải thích điều kiện hình thành các tôn giáo, bất kể là ở hình thức thấp hay cao cấp<sup>(17)</sup>. Về “thần học lí luận”, Muller giải thích từ góc độ triết học là: “nếu có một loại triết học chuyên khảo cứu *tri thức cảm giác* của con người,

14. Friedrich Max Muller. *Dẫn luận tôn giáo học*, tr.20, 21.

15. Cần phân biệt khái niệm “Nhân học” của Muller với khái niệm “Nhân học” mà ở Việt Nam hiện nay đang sử dụng để chỉ ngành Nhân loại học-Anthropology.

16. Friedrich Max Muller. *Dẫn luận tôn giáo học*, tr.11-12.

17. Friedrich Max Muller. *Dẫn luận tôn giáo học*, tr. 13.

một loại triết học khác thì khảo cứu *tri thức lí tính* của con người, vậy thì nên có loại triết học thứ ba để khảo cứu *loại thiên bẩm thứ ba của con người* - loại thiên bẩm về nhận thức vô hạn (thần)". Từ sự lí giải đó có thể thấy, cho dù những giới hạn bởi bối cảnh văn hóa, truyền thống học thuật và tín ngưỡng cá nhân, nhưng Muller vẫn dùng từ "thần học" để biểu tả hai bộ phận cấu thành của tôn giáo học: thứ nhất: "thần học so sánh" là chỉ "sử học tôn giáo", sử dụng phương pháp so sánh, coi các loại tôn giáo là đối tượng nghiên cứu, nó không giống với thần học; thứ hai: "thần học lí luận" chỉ "nguyên lí tôn giáo học", lấy suy tư triết học làm chủ đạo để giải thích bản tính con người, về thực chất đấy chính là triết học tôn giáo, hiển nhiên cũng khác với thần học. Thần học là bộ môn về Thần, cái mà Muller đề xướng chính là bộ môn "nhân học"<sup>(18)</sup>. Nghiên cứu các tôn giáo từng tồn tại trong lịch sử là để nghiên cứu các tôn giáo đó thể nghiệm cái "vô hạn" đó như thế nào, từ đó đi sâu nghiên cứu bản chất tôn giáo, bản chất con người. Bất cứ tôn giáo cũng có tư cách là đối tượng của nghiên cứu khoa học, giúp chúng ta tiếp cận được bản tính của tôn giáo, bản tính của con người và bản tính của tư tưởng nhân loại. Mọi tôn giáo đều là biểu hiện của nhân tính. bình đẳng trong nghiên cứu. "Một tôn giáo, bất kể nó có thể không hoàn thiện, ấu trĩ, thì nó vẫn luôn đặt linh hồn của con người trước mặt Thượng Đế, nó luôn đại diện cho lí tưởng hoàn thiện nhất mà linh hồn loài người ngay lúc đó có thể đạt tới hoặc nắm bắt được"<sup>(19)</sup>. Bởi vậy, nghiên cứu khoa học về tôn giáo, tức là nghiên cứu về con người.

- *Đề xuất phương pháp nghiên cứu tôn giáo*

Đóng góp của Muller còn được ghi nhận ở việc ông đề xuất phương pháp cơ bản trong nghiên cứu khoa học về tôn giáo, đó là phương pháp so sánh. Nó là hệ quả tất yếu của một lộ trình khoa học của ông. Phương pháp thần thoại học so sánh và ngôn ngữ học so sánh mà ông ứng dụng lại đặt cơ sở cho lí luận và phương pháp của tôn giáo học so sánh, bởi vậy các nhà tôn giáo học Đức, Anh, Mỹ ban đầu quen gọi ngành khoa học mới mẻ - tôn giáo học là tôn giáo học so sánh<sup>(20)</sup>. Đối tượng nghiên cứu của tôn giáo học là các tôn giáo, bao gồm cả Kitô giáo trong đó. Thái độ của người nghiên cứu là không thiên vị, bởi vậy "so sánh" là phương pháp nghiên cứu quan trọng nhất của tôn giáo học. Bởi vì nếu một người chỉ biết về một tôn giáo, coi nó là sự thiêng liêng chí cao vô thượng, đương nhiên người đó nghiên cứu về tôn giáo mà không có khoa học. Vận dụng câu cách ngôn của Goethe - vốn được ứng dụng cho ngôn ngữ học so sánh: "người chỉ biết một ngôn ngữ, kì thực anh ta chẳng biết gì về ngôn ngữ" ("He who knows one languages, knows none"), Muller cho rằng: "Vấn đề của tôn giáo cũng vậy, người chỉ biết một tôn giáo, kì thực anh ta chẳng biết gì về tôn giáo" (nguyên văn: He who knows one. knows none). "Tôn giáo" ở đây là một khái niệm, ngoại diên của nó bao hàm các hiện tượng tôn giáo tồn tại trên thế giới. Cho nên "tôn giáo học" với tư cách là một môn khoa học, nghiên cứu về bản chất

18. Xem: Trương Chí Cương. *Nghiên cứu triết học tôn giáo...*, Sđd.

19. Friedrich Max Muller, *Dẫn luận tôn giáo học*, tr. 263.

20. Xem: Trác Tân Bình. *Lý giải tôn giáo*. Sđd.



của tôn giáo, muốn làm được như vậy, cần “tiến hành nghiên cứu một cách khoa học đối với các tôn giáo trên thế giới”<sup>(21)</sup>. Tuy nhiên, mỗi tôn giáo đều có “tính ưu việt” và “tính bài ngoại”, vấn đề nảy sinh khi phần lớn công việc nghiên cứu tôn giáo lại đã và đang do người đang tín ngưỡng một tôn giáo nào đó đảm nhận, bởi vậy, Muller đề xuất ý kiến của mình với cả một niềm tin tưởng lớn lao: “Nên tiến hành so sánh một cách công tâm, khoa học chân chính đối với tất cả các tôn giáo, chí ít là đối với các tôn giáo quan trọng nhất của loài người; trên cơ sở đó kiến lập tôn giáo học, hiện tại thì chỉ còn là một vấn đề về thời gian mà thôi”<sup>(22)</sup>.

Để tiến hành phương pháp so sánh, theo Muller, nên căn cứ vào các hình thái lịch sử của các tôn giáo trên thế giới để tiến hành phân loại, từ đó tìm ra trật tự và quy luật của tôn giáo. Để làm được điều này, cần tránh lệ thuộc vào lập trường của tín ngưỡng cá nhân, tức là niềm tin thái quá vào một tôn giáo hoặc một chủ nghĩa nào đó. Ông phản đối cách phân loại phổ biến đương thời, đó là đem các tôn giáo trên thế giới phân thành “tôn giáo chân chính” và “tôn giáo giả tạo”, hoặc phân thành “tôn giáo mặc khải” và “tôn giáo tự nhiên”. Bởi vì, cách đó sẽ dẫn đến việc đề cao một tôn giáo này và hạ thấp các tôn giáo khác, như vậy là không có giá trị khoa học. Ông chủ trương phương pháp phân loại nhân học - ngôn ngữ, cho rằng, vào sơ kì của loài người, ngôn ngữ

và tôn giáo giữa các chủng tộc có mối quan hệ mật thiết. Ví dụ, Châu Âu sơ kì có ba chủng tộc cư trú: người Turanian, người Semitic và người Aryan với ba loại ngữ hệ tương ứng, sau đó ba chủng tộc dần dần phân thành nhiều dân tộc với nhiều ngôn ngữ khác nhau, tín ngưỡng tôn giáo của họ từ đó cũng mang các đặc trưng riêng của từng dân tộc. Chúng ta tiến hành nghiên cứu so sánh ngôn ngữ, tôn giáo, thần thoại, thuật ngữ tôn giáo (danh xưng thần linh) của các dân tộc, thì có thể tìm thấy nguồn gốc chung của tôn giáo.

“He who knows one, knows none” - Cách ngôn của Goethe chuyển hóa thành danh ngôn của Muller, cũng trở thành một câu khẩu hiệu thấm thấu vào tinh thần của nhà nghiên cứu tôn giáo học so sánh. Chính câu nói này cũng được coi như một định nghĩa đầy tính ẩn dụ “tôn giáo học là gì”, cũng là một kết luận logic cho chủ trương thoát li khỏi ảnh hưởng của đức tin thần học đương thời, mở ra một định hướng khoa học cho phương pháp nghiên cứu tôn giáo, đồng thời cũng là một động lực để sau đó không lâu hình thành nên các phân ngành khác như hiện tượng học tôn giáo, xã hội học tôn giáo, tâm lí học tôn giáo, nhân học tôn giáo, v.v... Nhìn một cách tổng thể, nó thể hiện một giá trị mang tính lịch sử trong tác phẩm *Dẫn luận tôn giáo học*.

21. Friedrich Max Muller. *Dẫn luận tôn giáo học*, tr. 4.

22. Friedrich Max Muller. *Dẫn luận tôn giáo học*, tr.19.